TÒA ÁN NHÂN DÂN **TP. BUÔN MA THUỘT** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số:117/2019/HNGĐ-ST Ngày 29-08-2019 V/v: "Tranh chấp hôn nhân và gia đình"	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

-Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Văn Vĩ

-Các Hội thẩm nhân dân:1. Ông Hoàng Viết Oanh

2. Bà Nguyễn Thị Thanh Hồng

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Lê Nguyệt Ánh – Thư ký Toà án nhân dân T phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột: bà Nguyễn Thị Mười Hiền-Kiểm sát viên.

Ngày 29/8/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh ĐắkLắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 497/2019/HNGĐ ngày 04 tháng 07 năm 2019 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2019/QĐXX-ST ngày 07 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số:103/2019/QĐST-HNGĐ ngày 22/8/2019 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị P-SN:1988(có mặt)
Địa chỉ: 67 C, phường T, quận T, thành phố Hồ Chí Minh
2.Bị đơn: Ông Nguyễn Minh T-sinh năm 1981(Vắng mặt)
Địa chỉ: xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1].Theo đơn ly hôn, bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Nguyễn Thị P trình bày:

Tôi và ông Nguyễn Minh T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hòa Thuận, TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 21/05/2013(đăng ký sau khi kết hôn). Trước khi tôi đăng ký kết hôn với ông T thì ông T đã có gia đình và đã ly hôn.

Quá trình chung sống, giữa chúng tôi thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, ông T thường xuyên đánh đập tôi một cách vô cớ, chúng tôi đã tiến hành hòa giải nhưng không có kết quả ông T vẫn chứng chứng nào tật ấy không cần biết lý do ra sao ông T đánh đập tôi tần nhẫn dẫn đến mất an ninh làng xóm. Vào năm 2014 tôi đã dẫn con về nhà mẹ đẻ sinh sống tại tỉnh Thừa Thiên Huế, sau đó ông nội cháu ra đưa cháu về xã Hòa Thuận sinh sống tới nay. Từ năm 2014 đến nay vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc gì đến nhau, do vậy tôi yêu cầu Tòa án án xét xử ly hôn theo Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình theo quy định vì tình cảm, tình thương yêu vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã kéo dài trầm trọng.

Về con chung: Vợ chồng tôi có con chung: Cháu tên Nguyễn Hoàng Lan A; sinh ngày 10/3/2013 hiện cháu đang ở với ông T. Tôi đồng ý giao con chung cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng vì hiện nay tôi đang đi thuê nhà chưa có điều kiện, khi nào cháu lớn thì tôi sẽ yêu cầu nuôi cháu sau.

-Về cấp dưỡng nuôi con, tôi tự nguyện cấp dưỡng 1.500.000 đồng/tháng, kể từ tháng 09/2019 đến khi con chung đủ 18 tuổi cho ông Nguyễn Minh T.

-Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tôi không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2].Đối với bị đơn ông Nguyễn Minh T: Tòa án đã tiến hành thông báo triệu tập hợp lệ nhưng ông T không lên Tòa án làm việc nên không lấy được lời khai.

-Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột phát biểu về việc giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và hội đồng xét xử đã chấp hành đúng theo quy định của pháp luật về nguyên đơn đã chấp hành tốt tuy nhiện đối với bị đơn chưa chấp hành tốt. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị P về việc xin ly hôn với ông Nguyễn Minh T và đề nghị giao cháu Nguyễn Hoàng Lan A; sinh ngày 10/3/2013 cho ông Nguyễn Minh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi thành niên(18 tuổi). Ghi nhận bà P tự nguyện cấp dưỡng 1.500.000 đồng/tháng, kể từ tháng 09/2019 đến khi con chung đủ 18 tuổi cho ông Nguyễn Minh T.

Tại phiên tòa hôm nay bà Nguyễn Thị P vẫn giữ nguyên ý kiến xin ly hôn với ông Nguyễn Minh T và nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tranh chấp giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị P và bị đơn ông Nguyễn Minh T là tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhiều lần triệu tập hợp lệ ông Nguyễn Minh T nhưng ông T không lên Tòa án làm việc mà chỉ có bà Nguyễn Thị P lên Tòa án làm việc nên không tiến hành lấy lời khai của ông Nguyễn Minh T cũng như tiến hành hòa giải được. Qua xác minh tại chính quyền địa phương được biết: Quá trình chung sống vợ chồng giữa ông T và bà P thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bà P đã chuyển đi nơi khác sinh sống còn ông Nguyễn Minh T và con gái vẫn đang sinh sống tại xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk việc bà P xin ly hôn thì ông T đồng ý nhưng không lên Tòa án làm việc.

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định.

[2] Về nội dung: Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị P và bị đơn ông Nguyễn Minh T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại theo quy định của pháp luật vào ngày 21/5/2013 tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Thuận, TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk là hoàn toàn tự nguyện nên xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

-Nguyên nhân mâu thuẫn: Vợ chồng bất đồng quan điểm hay cãi vã nhau, nặng lời xúc phạm đến nhau. Bà P, ông T đã hàn gắn tình cảm nhưng không thành và tiếp tục mâu thuẫn. Vợ chồng đã sống ly thân khoảng 05 năm nay và không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Như vậy bà Nguyễn Thị P và ông NNguyễn Minh T sống chung có mâu thuẫn xảy ra nên cần chấp đơn ly hôn của bà Nguyễn Thị P và cho bà Nguyễn Thị P được ly hôn với ông Nguyễn Minh T.

-Về con chung: Bà Nguyễn Thị P và bị đơn ông Nguyễn Minh T có 01 con chung là cháu Nguyễn Hoàng Lan A; sinh ngày 10/3/2013 hiện cháu đang ở với ông T. Bà P đồng ý giao con chung cho ông T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu đến tuổi thành niên vì bà P đang thuê trọ và công việc không ổn định nên không có điều kiện nuôi cháu nên cần giao cháu Nguyễn Hoàng Lan A; sinh ngày 10/3/2013 cho ông T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến tuổi thành niên là phù hợp.

-Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của bà P tự nguyện cấp dưỡng 1.500.000 đồng/tháng, kể từ tháng 09/2019 đến khi con chung đủ 18 tuổi cho ông Nguyễn Minh T.

-Về tài sản chung, nợ chung: Nguyễn Thị P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Nguyễn Thị P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khỏan 1 Điều 39; Điều 146; điểm a khoản 1 Điều 203; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 8, Điều 9,Điều 19; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình

Căn cứ Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của bà Nguyễn Thị P.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị P được ly hôn với ông Nguyễn Minh T.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hoàng Lan A; sinh ngày 10/3/2013 cho ông Nguyễn Minh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi thành niên(18 tuổi).

Bà Nguyễn Thị P được quyền đi lại thăm nom và chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà P tự nguyện cấp dưỡng 1.500.000 đồng/tháng, kể từ tháng 09/2019 đến khi con chung đủ 18 tuổi cho ông Nguyễn Minh T.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5.Về án phí ly hôn sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị P phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng tiến án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng mà bà P đã nộp tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm theo biên lai thu số 0001847 ngày 27/06/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự TP. Buôn Ma Thuột bà P còn phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung.Ông Nguyễn Minh T không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Nơi nhận:
-P.NV&THA TA tỉnh Đắk Lắk;
-VKSND tỉnh Đắk Lắk;
-VKSND TP.BMT;
-CCTHADS TP.BMT;
-UBND xã Hòa Thuận
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Phạm Văn Vĩ